

Số: 45/QĐ-UBND

Tràng Xá, ngày 08 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước  
trong lĩnh vực đất đai của Chủ tịch UBND xã Tràng xá

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRÀNG XÁ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ  
Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân  
quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND xã Tràng  
Xá về việc ban hành quy chế làm việc Ủy ban nhân dân xã Tràng Xá khoá XIX,  
nhiệm kỳ 2021-2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ủy quyền cho bà Dương Thị Hương, Phó Chủ tịch UBND xã  
Tràng Xá thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai  
của Chủ tịch UBND xã Tràng Xá quy định tại Điều 5 và Điều 10 Nghị định số  
151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ (gồm: Điểm a, b, c, d, e, h, i, k,  
m, n khoản 1, điểm e khoản 2, điểm b, c, d, e, h khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 5  
và điểm a, b, c, d, đ, e, h khoản 3 Điều 10) cụ thể như sau:

1. Chấp thuận phương án sử dụng đất nông nghiệp của tổ chức kinh tế quy  
định tại khoản 6 Điều 45 Luật Đất đai; phê duyệt phương án sử dụng đất lúa của  
cá nhân quy định tại khoản 7 Điều 45 Luật Đất đai;

2. Quyết định thu hồi đất thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều  
83 Luật Đất đai; thu hồi đất liên quan đến quy định tại điểm b khoản 3, khoản 5,  
điểm b khoản 6 Điều 87 và khoản 7 Điều 91 Luật Đất đai;

3. Ban hành Thông báo thu hồi đất quy định tại điểm a khoản 2 Điều 87  
Luật Đất đai;

4. Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy  
định tại điểm c khoản 3 Điều 87 Luật Đất đai;

5. Quyết định giá đất cụ thể quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Đất đai;

6. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 136 và điểm d khoản 2 Điều 142 Luật Đất đai;

7. Xác định lại diện tích đất ở và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 6 Điều 141 Luật Đất đai;

8. Ghi giá đất trong quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp áp dụng giá đất trong bảng giá đất để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; ban hành quyết định giá đất thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp xác định giá đất cụ thể quy định tại khoản 4 Điều 155 Luật Đất đai;

9. Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với cá nhân quy định tại điểm c khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai; quyết định giao đất đối với cộng đồng dân cư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai; quyết định giao đất nông nghiệp cho cá nhân quy định tại điểm b khoản 2 Điều 178 Luật Đất đai;

10. Phê duyệt phương án góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai để thực hiện dự án chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn, mở rộng, nâng cấp đường giao thông nông thôn quy định tại điểm b khoản 3 Điều 219 Luật Đất đai;

11. Quyết định giá đất cụ thể đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 160 Luật Đất đai;

12. Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

13. Quyết định giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP;

14. Ban hành quyết định giao đất cho cá nhân đủ điều kiện quy định tại Điều 53 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

15. Có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận về phương án sử dụng đất nông nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 78 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP;

16. Phê duyệt phương án góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai đối với trường hợp góp quyền sử dụng đất của cá nhân quy định tại điểm c khoản 3 Điều 100 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP;

17. Tổ chức thực hiện việc quyết định giá đất cụ thể quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP;

18. Quyết định giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Đất đai;

19. Quyết định cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Đất đai;

20. Chấp thuận bằng văn bản về việc thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 127 Luật Đất đai mà được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm;

21. Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp được miễn toàn bộ tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê theo quy định của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

22. Quyết định hình thức sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất quy định tại điểm a khoản 2 Điều 142 Luật Đất đai đối với trường hợp sử dụng đất theo hình thức quy định tại Điều 118 và khoản 3 Điều 120 Luật Đất đai hoặc trường hợp quy định tại Điều 119 và khoản 2 Điều 120 Luật Đất đai mà được miễn toàn bộ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê theo quy định của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

23. Phê duyệt phương án bố trí lại diện tích đất ở thành khu dân cư đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 142 Luật Đất đai;


24. Phê duyệt phương án góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 219 Luật Đất đai.

Thời gian ủy quyền: Đến hết ngày 31/12/2025


**Điều 2.** Trong phạm vi ủy quyền, bà Dương Thị Hương phải tuân thủ các quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND xã Trảng Xá về các nội dung được ủy quyền.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các vấn đề chưa được quy định, vượt thẩm quyền, bà Dương Thị Hương đề xuất Chủ tịch UBND xã xem xét cho ý kiến trước khi thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội xã, Trưởng Phòng Kinh tế xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan và bà Dương Thị Hương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Sở NN&MT tỉnh (để B/c);
- TT Đảng ủy; TT HĐND xã;
- Đ/c Chủ tịch, các đ/c PCT UBND xã;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy xã;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Các xóm trên địa bàn xã;
- LĐVP;
- Lưu: VT, KT.Hien. 

**CHỦ TỊCH**



**Lý Hoàng Nguyên**